

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2025/DS-PT**
Ngày: 02 – 01 - 2025
V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung.

Bà Nguyễn Ái Đoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Ngọc Thu Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 555/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 104/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 602/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Nguyễn Bùi Huy C, sinh năm 1998; (có mặt).

1.2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1966; (có mặt).

Cùng địa chỉ: A, Khu phố D, Phường A, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trà Duy L – Công ty L1; (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978; (có mặt).

Địa chỉ: 2, Tổ D, Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Bà Nguyễn Thị P.

4. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo bản án sơ thẩm;**

Nguyên đơn - anh Nguyễn Bùi Huy C trình bày:

Trong năm 2023, bà Nguyễn Thị P (có mối quan hệ sui gia với mẹ ruột anh là bà Bùi Thị N) đã hỏi vay mượn tiền của anh nhiều lần cụ thể như sau:

+ Ngày 04/4/2023: Anh có đưa cho bà P 02 lần tiền với tổng số tiền là 55.000.000 đồng (Buổi sáng bà P nhận 40.000.000 đồng; buổi chiều bà P nhận số tiền 15.000.000 đồng).

+ Ngày 27/4/2023: Bà P nhận số tiền 25.000.000 đồng.

+ Ngày 10/5/2023: Bà P nhận số tiền 40.000.000 đồng.

+ Ngày 21/5/2023: Anh đưa cho bà P số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 30/5/2023: Bà P có trả cho anh số tiền 20.000.000 đồng.

+ Ngày 04/6/2023: Anh có giao cho bà P nhận số tiền 40.000.000 đồng.

+ Ngày 12/6/2023: Do không có tiền nhưng bà P năn nỉ quá nên anh có quẹt thẻ tín dụng để lấy tiền mượn trong thẻ tín dụng là 20.000.000 đồng đưa cho bà P. Tổng số tiền anh C đã đưa cho bà P nhận 06 lần là 200.000.000 đồng, bà P đã trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 180.000.000 đồng.

Do các lần mượn trước bà P có trả đầy đủ cho anh nên anh đã tin tưởng cho mượn lần này. Khi hỏi mượn tiền thì bà P có hẹn trả tiền lãi nhưng bà P không có trả như đã hứa hẹn. Nếu bà P cho rằng có đóng lãi cho anh mấy chục phần trăm thì bà P phải cung cấp các chứng cứ. Còn các tin nhắn mà bà Phú tự in photo ra thì anh không đồng ý và không công nhận.

Nay anh yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền vốn gốc 180.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi. Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn - bà Bùi Thị N trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị P có quan hệ sui gia (con gái của bà N là con dâu của bà P), do tin tưởng nên bà có cho bà P mượn 02 lần tiền, cụ thể như sau:

+ Ngày 01/3/2023: Bà có giao cho bà P nhận số tiền 30.000.000 đồng.

+ Ngày 15/7/2023: Bà có giao cho bà P nhận số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng cộng bà P có nhận của bà N 02 lần tiền là 60.000.000 đồng. Bà N bà P có đóng tiền lãi cho bà 04 lần: 02 lần đóng 5.000.000 đồng x 2 là 10.000.000 đồng; 02 lần đóng 4.000.000 đồng x 2 là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà P đã đóng cho bà là 18.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vốn gốc 60.000.000 đồng. Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị P trình bày:

-Đối với số tiền vay của anh Nguyễn Bùi Huy C: Bà thừa nhận có vay tiền của anh Nguyễn Bùi Huy C 06 lần trong năm 2023 với tổng số tiền đã nhận là 180.000.000 đồng đã trả được 20.000.000 đồng, hiện nay bà P còn nợ lại anh C số tiền 160.000.000 đồng. Bà P cho biết bà có thỏa thuận đóng tiền lãi cho anh C với mức lãi suất 20-30%/tháng, bà có đóng lãi cho anh C nhiều lần với tổng số tiền khoảng một trăm mấy chục triệu đồng, khi đóng lãi thì không có ký nhận mà bà chỉ có tin nhắn giữa hai bên. Bà chỉ cung cấp bản in photo tin nhắn của hai bên, không có lập vi bằng. Nay bà còn nợ lại anh C tổng số tiền vốn 160.000.000 đồng, bà xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến hết số tiền nợ. Còn đối với số tiền lãi mà bà đã đóng cho anh C khoảng một trăm mấy chục triệu đồng thì bà xin tính lại.

-Đối với số tiền vay của bà Bùi Thị N: Bà thừa nhận có vay của bà Bùi Thị N 02 lần tiền với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, không có làm biên nhận nợ. Bà có đóng lãi cho bà N cho 02 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Khi đóng tiền lãi cho bà N thì không có ký nhận giữa hai bên. Do hai bên giao nhận đóng tiền lãi trực tiếp không có sử dụng tin nhắn điện thoại nên bà P không có tin nhắn giữa hai bên. Nay bà P xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến hết số nợ vay của bà N. Còn đối với số tiền lãi đã đóng cho bà N là 50.000.000 đồng thì bà xin tính lại cho bà cần trừ vào tiền vốn.

Tại Biên bản hòa giải ngày 06/06/2024, bà Nguyễn Thị P trình bày bổ sung: Bà có nộp “Đơn Phản tố” yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng cho anh Nguyễn Bùi Huy C và bà Bùi Thị N gửi qua đường bưu điện đến Tòa án nhận ngày 27/02/2024, nhưng bà chỉ xin xem xét lại việc đã đóng tiền lãi giữa bà với anh C, bà N. Bà P chỉ có tin nhắn giữa bà và anh C chứ không có biên nhận hay giấy tờ gì về việc bà đã đóng tiền lãi cho anh C và cho bà N nên bà chỉ xin xem xét lại việc đóng lãi này, ngoài ra bà không có nộp chứng cứ giấy tờ nào khác. Bà P chỉ xin xem xét lại việc bà đã đóng tiền lãi cho anh C và xin cần trừ tiền lãi đã đóng vào tiền vốn chứ bà không có phản tố.

-Bản án dân sự sơ thẩm số: 104/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bùi Huy C. Buộc bà Nguyễn Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Bùi Huy C số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị N số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

-Ngày 04 tháng 7 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Bà P đã trả cho anh C 94.877.754 đồng (sau khi đã khấu trừ lãi theo quy định) nên chỉ đồng ý trả 65.122.246 đồng.

Bà P đã trả cho bà N số tiền 37.933.334 đồng (sau khi đã khấu trừ lãi theo quy định) nên chỉ đồng ý trả 22.066.000 đồng.

- Ngày 31 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

- Bà Nguyễn Thị P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Bà P chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn Nguyễn Bùi Huy C số tiền 65.122.246 đồng và trả cho nguyên đơn Bùi Thị N số tiền 22.066.000 đồng. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát thì bà P không có ý kiến.

- Bà Bùi Thị N và anh Nguyễn Bùi Huy C không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát; không đồng ý với kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

+ Bà N yêu cầu bà P trả cho bà N số tiền 42.000.000 đồng.

+ Anh C1 yêu cầu bà P trả cho anh C1 số tiền 169.250.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P; giữ nguyên bản án sơ thẩm bởi các căn cứ sau:

Thứ nhất: Bà P trình bày bà vay tiền của bà N và anh C1 với lãi suất từ 20-30%/tháng, bà đã trả lãi cho bà N 37.933.334 đồng và trả cho anh C1 94.877.754 đồng nhưng bà N và anh C1 không thừa nhận. Như vậy, bà P phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Trường hợp không tự mình thu thập được thì phải có đơn yêu cầu Tòa án thu thập nhưng bà P không có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng.

Thứ hai: Bà P có đơn trình báo với cơ quan Công an ngày 04/8/2023 nhưng bà P không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh C1 có liên quan đến việc tạt sơn, cho vay lãi nặng. Tại phiên tòa anh C1 trình bày Công an xã T và Công an thành phố M có mời anh C1 lên làm việc sau đó nói anh C1 không có liên quan nên cho anh C1 về. Trường hợp anh C1 có vi phạm pháp luật thì cơ quan Công an đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Thứ ba: Về nội dung, Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm Điều 9 Nghị quyết 01/ 2019/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm là chưa đúng. Tại phiên tòa bà N và anh C1 đã đồng ý cản trở số tiền bà P đã trả vào nợ

gốc và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bà P phải trả cho bà N số tiền 42.000.000 đồng và trả cho anh C1 số tiền 169.250.000 đồng.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang; huỷ bản án sơ thẩm. Do huỷ án sơ thẩm nên chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang còn trong thời hạn quy định, nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà Bùi Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả cho bà N số tiền 42.000.000 đồng. Anh Nguyễn Bùi Huy C yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả cho anh C số tiền 169.250.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nội dung kháng nghị, xét thấy:

Kháng nghị số 08/QĐ-VKS-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M cho rằng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

- Thứ nhất: Bà P trình bày bà đã đóng lãi cho anh C nhiều lần với tổng số tiền một trăm mấy chục triệu với mức lãi suất 20-30%/tháng, bà P cung cấp các chứng cứ là bản photocopy các dòng tin nhắn zalo với anh C (bút lục 20-73), bà P không lập được vi bằng tin nhắn do không có tiền trả dịch vụ. Phía anh C cung cấp Vi bằng 322/2023/VB-TPL ngày 02/10/2023 có nội dung tương tự tài liệu bà P nhưng ít nội dung trao đổi hơn so với tài liệu bà P cung cấp. Trong trường hợp này, các tin nhắn zalo do bà P cung cấp cần được xem là “*tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được, dữ liệu điện tử*” theo khoản 1 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án cần xem xét yêu cầu bà P cung cấp bản chính là tin nhắn zalo trong điện thoại di động bà P để đối chiếu, nhưng Tòa án không thực hiện là chưa đảm bảo việc đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác theo Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thứ hai: Tại bản tự khai ngày 23/12/2023 bà P trình bày bà nợ anh C (T) số tiền gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi bạc 30%, bà P đã đóng cho anh C 122.700.000 đồng, bà có làm đơn trình bày với Công an thành phố M, Công an xã T và Công an P1 sự việc anh C cho vay lãi suất cao và nhóm của C tạt sơn,

đập xe tại nhà bà, Công an có đến lập biên bản. Ngày 31/10/2024, bà P cung cấp tài liệu, chứng cứ đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, đơn trình báo của bà đề ngày 04/8/2023 có xác nhận của Công an xã T vào ngày 05/8/2023. Như vậy, mặc dù bà P trình bày việc anh C cho vay với lãi suất cao đến 30%/tháng và đã trình báo sự việc tại cơ quan Công an, nhưng Toà án chưa tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ tại Công an thành phố M, Công an xã T và Công an P1 về việc thụ lý và kết quả giải quyết vụ việc để làm cơ sở giải quyết vụ án, là chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thứ ba: Theo trình bày của bà P, mức lãi suất mà anh C cho vay từ 20-30%/tháng, số tiền đã đóng là 122.700.000 đồng, bà P có cung cấp các tin nhắn zalo trao đổi với anh C, có ghi nhận số tiền trả lãi và mức lãi suất 20-30%/tháng. Phía anh C khởi kiện yêu cầu bà P trả lại tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, cung cấp Vi bằng 322/2023/VB-TPL ngày 02/10/2023 có nội dung thể hiện bà P vay của anh C với mức lãi suất là “20 phân”. Như đã phân tích, vụ việc anh C cho bà P vay tiền với mức lãi suất từ 20-30% đã được phía bà P trình báo tại cơ quan có thẩm quyền, đồng thời mức lãi suất cho vay trên là vượt quá mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, có dấu hiệu về tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự theo Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp “tạm đình chỉ” giải quyết do “*cần đợi kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan hoặc sự việc được pháp luật quy định là phải do cơ quan, tổ chức khác giải quyết trước mới giải quyết được vụ án*”. Tuy nhiên, Toà án tiến hành xét xử mà không xem xét tới yếu tố hình sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

-Về nội dung: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M cho rằng Toà án cấp sơ thẩm tuyên: “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị N số tiền 60.000.000 đồng*” là chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, bởi lẽ:

Bà N và bà P thống nhất bà P có nợ bà N số tiền 60.000.000 đồng. Bà N trình bày bà P vay 02 lần, cụ thể: Ngày 01/3/2023 vay 30.000.000 đồng; ngày 15/7/2023 vay 30.000.000 đồng không có lãi suất nhưng bà N thừa nhận bà P có đóng lãi 04 lần với tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Phía bà P trình bày có vay bà N 02 lần vào tháng 09 năm 2023 số tiền 30.000.000 đồng; ngày 16/02/2023 số tiền 30.000.000 đồng, bà P đã đóng tiền lãi là 50.000.000 đồng, yêu cầu cân trừ số tiền lãi đã đóng theo quy định.

Xét thấy, phía bà P trình bày đã đóng lãi 50.000.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng minh. Phía bà N thừa nhận bà P có đưa 18.000.000 đồng tiền lãi, nên có cơ sở xác định bà N đã nhận 18.000.000 đồng tiền lãi của bà P đối với 02 khoản vay. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét việc bà P trả tiền lãi để cân tiền nợ gốc theo quy định, mà tuyên buộc bà P trả lại toàn bộ số tiền gốc 60.000.000 đồng là chưa đảm bảo quyền lợi của bà P, vi phạm Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng

một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm. Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với diễn biến phiên tòa hôm nay. Do đó, có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết chưa phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

[4]. Do huỷ án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[6]. Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang.

Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số: 104/2024/DS-ST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo quy định.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị P theo biên lai số 0006412 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP. M;
- Chi cục THADS TP. M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Thu Thủy